VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2017;

2. Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.[1]

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh, sử dụng, khảo nghiệm, chứng nhận, kiểm tra và quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến thức ăn chăn nuôi, thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

---

[1] *Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản có căn cứ ban hành như sau:*

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;.

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản."

Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016. Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp."

1. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản là những sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống (hoặc bổ sung vào môi trường nuôi đối với thức ăn thủy sản) ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến, bảo quản, bao gồm thức ăn dinh dưỡng và thức ăn chức năng ở các dạng: Nguyên liệu, thức ăn đơn; thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh; thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, phụ gia thức ăn và các sản phẩm bổ sung vào môi trường nuôi (đối với thức ăn thủy sản) nhằm tạo thức ăn tự nhiên, ổn định môi trường nuôi, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.

a) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại là các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán trên thị trường;

b) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất để tiêu thụ nội bộ là các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản do các cơ sở hoặc cá nhân tự phối trộn dùng cho nhu cầu chăn nuôi của nội bộ cơ sở, không trao đổi và mua bán trên thị trường;

c) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán là các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến đã được người chăn nuôi sử dụng từ trước đến nay như: Thóc, gạo, cám, ngô, khoai, sắn, bã rượu, bã bia, bã sắn, bã dứa, rỉ mật đường, rơm, cỏ, tôm, cua, cá và các loại khác;

d) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới là thức ăn lần đầu tiên được nhập khẩu, sản xuất tại Việt Nam có chứa hoạt chất mới chưa qua khảo nghiệm ở Việt Nam;

đ) Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh là hỗn hợp của nhiều nguyên liệu thức ăn được phối chế theo công thức nhằm đảm bảo có đủ các chất dinh dưỡng để duy trì sự sống và khả năng sản xuất của vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng hoặc chu kỳ sản xuất;

e) Thức ăn đậm đặc là hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản có hàm lượng các chất dinh dưỡng cao hơn nhu cầu vật nuôi và dùng để pha trộn với các nguyên liệu khác tạo thành thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh;

g) Thức ăn bổ sung là thức ăn đơn hoặc hỗn hợp của nhiều nguyên liệu cho thêm vào khẩu phần ăn hoặc bổ sung vào môi trường nuôi (đối với thức ăn thủy sản) để cân đối các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể vật nuôi;

h) Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản hoặc thức ăn đơn là thức ăn dùng để cung cấp một hoặc nhiều chất dinh dưỡng trong khẩu phần ăn cho vật nuôi;

i) Phụ gia thức ăn chăn nuôi, thủy sản là chất có hoặc không có giá trị dinh dưỡng được bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong quá trình chế biến, xử lý hoặc bổ sung vào môi trường trong quá trình nuôi (đối với thức ăn thủy sản)

nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng hoặc duy trì, cải thiện đặc tính nào đó của thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

k) Chất mang là chất vật nuôi ăn được dùng để trộn với hoạt chất trong premix nhưng không ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi;

l) Premix kháng sinh là hỗn hợp gồm không quá 02 loại kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm mục đích kích thích sinh trưởng với tổng hàm lượng kháng sinh không lớn hơn 20%.

2. Chất chính trong thức ăn chăn nuôi, thủy sản là chất quyết định công dụng và bản chất của sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phù hợp với từng loại sản phẩm.

3. Chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi, thủy sản là chỉ tiêu có ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm trong thức ăn chăn nuôi, thủy sản được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc các văn bản tương đương của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Vật nuôi là các loại gia súc, gia cầm, ong, tằm, động vật thủy sản được con người nuôi giữ.

5. Gia súc, gia cầm non bao gồm các đối tượng sau đây:

a) Lợn: Từ 01 đến 60 ngày tuổi hoặc từ sơ sinh đến 25 kg.

b) Gà, vịt, ngan, chim cút, thỏ: Từ 01 đến 21 ngày tuổi.

c) Bê, nghé, dê, cừu: Dưới 06 tháng tuổi.

6. An toàn thực phẩm đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản là các điều kiện và biện pháp cần thiết để bảo đảm thức ăn chăn nuôi, thủy sản không gây hại cho sức khỏe của vật nuôi, con người sử dụng sản phẩm chăn nuôi và môi trường.

7. Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thủy sản bao gồm các hoạt động sản xuất, gia công, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

a) Sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản là việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các hoạt động sản xuất, chế biến, san chia, bao gói, bảo quản, vận chuyển thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

b) Gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản là quá trình thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công đoạn sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt hàng.

8. Tên thương mại của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản là tên thương phẩm của sản phẩm để phân biệt các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản trên thị trường.

Điều 4. Nội dung quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Định hướng phát triển sản xuất và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Quản lý khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới.

4. Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

5. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

6. Đầu tư, phát triển hệ thống khảo nghiệm, kiểm nghiệm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

7. Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

8. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về sản xuất, quản lý và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

9. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Nhà nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế, xã hội đầu tư nghiên cứu, đào tạo, khuyến công, khuyến nông và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về dinh dưỡng, chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Ưu tiên đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, sản xuất, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong nước và các chính sách khác, trong đó có việc dành thêm quỹ đất và tín dụng ưu đãi cho việc trồng, thu hoạch, bảo quản, sản xuất, gia công, chế biến nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong nước.

3. Đầu tư và xã hội hóa đầu tư nâng cao năng lực hoạt động thử nghiệm, chứng nhận sự phù hợp phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Khuyến khích phát triển mạnh hình thức xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh

1. Không sử dụng kháng sinh trong thức ăn thủy sản.

2. Kháng sinh sử dụng trong thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích kích thích sinh trưởng cho gia súc, gia cầm phải có trong danh mục kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi.

3. Kháng sinh sử dụng trong thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích trị bệnh cho gia súc, gia cầm và phòng bệnh cho gia súc, gia cầm non phải là thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam và theo đơn của bác sỹ thú y có chứng chỉ hành nghề phòng, trị bệnh cho động vật theo quy định của pháp luật về thú y.

4. Sản xuất và sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, mục đích sử dụng, thời gian sử dụng đảm bảo không gây tồn dư kháng sinh vượt mức giới hạn cho phép trong sản phẩm chăn nuôi và không gây ảnh hưởng đến kháng kháng sinh trong điều trị bệnh của con người và vật nuôi.

5. Chỉ được phép sử dụng tối đa 02 loại kháng sinh trong một sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

6. Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm phải có bác sỹ thú y có chứng chỉ hành nghề phòng, trị bệnh cho động vật theo quy định của pháp luật về thú y.

7. Thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải ghi rõ tên và hàm lượng kháng sinh, hướng dẫn sử dụng, thời gian ngưng sử dụng trên bao bì hoặc tài liệu kèm theo.

Chương II
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Điều 7. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Địa điểm sản xuất, gia công phải nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải, hóa chất độc hại; nơi sản xuất phải ngăn cách với các khu vực khác.[2]

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

2.[3] ***(được bãi bỏ)***

3.[4] ***(được bãi bỏ)***

4. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị:

a)[5] Khu vực sản xuất được thiết kế và bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều, có sự cách biệt giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra.

b) Có dây chuyền sản xuất phù hợp với từng loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản; có kệ (pallet) để nguyên liệu và sản phẩm thành phẩm (trừ trường hợp nền kho, xưởng đã có giải pháp kỹ thuật đảm bảo thông thoáng, chống ẩm).

c)[6] Có kho bảo quản các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

d)[7] Cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải có biện pháp, quy trình kiểm soát sản xuất, gia công để tránh phát tán gây nhiễm chéo kháng sinh.

đ)[8] Có thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng.

---

[3] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

e)[9] Có giải pháp về thiết bị, dụng cụ để kiểm soát cát sạn, kim loại.

g)[10] Có giải pháp phòng chống chuột, chim, động vật gây hại khác, có thiết bị hút bụi, xử lý chất thải.

h)[11] ***(được bãi bỏ)***

5. Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, chăn nuôi - thú y, thú y, công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, sinh học, công nghệ thực phẩm (đối với thức ăn thủy sản).

6. Có hoặc thuê phòng thử nghiệm để phân tích chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong quá trình sản xuất, gia công.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật chi tiết và cụ thể các quy định về các yêu cầu kỹ thuật đối với các tiêu chí nêu tại Điều này.

Điều 8. Điều kiện đối với cơ sở mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Tổ chức, cá nhân mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1.[12] Nơi bày bán, kho chứa thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải được tách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác.

2.[13] Có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[11] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

3. Có giải pháp phòng chống chuột, chim và động vật gây hại khác.

Điều 9. Điều kiện với cơ sở nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải có hoặc thuê kho bảo quản thức ăn chăn nuôi, thủy sản đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo quản đảm bảo chất lượng hàng hóa, bảo vệ môi trường và theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Chương III
KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN MỚI

Điều 10. Điều kiện và nội dung khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Nội dung khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

a) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải khảo nghiệm là các loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới;

b) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới không phải khảo nghiệm nếu là kết quả của các công trình, đề tài nghiên cứu được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật hoặc đã được khảo nghiệm và được lưu hành ở các nước đã thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam về quy trình khảo nghiệm công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới;

c) Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy trình khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới và thực hiện việc thừa nhận lẫn nhau về quy trình khảo nghiệm công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản với các nước có hoạt động trao đổi thương mại thức ăn chăn nuôi, thủy sản với Việt Nam.

2. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng đủ điều kiện sau:

a)[14] Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn trên từng đối tượng vật nuôi.

Đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản phải có đủ nguồn nước đạt yêu cầu chất lượng; có hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao chứa nước thải đảm bảo việc kiểm tra chỉ tiêu môi trường và các chỉ tiêu về bệnh thủy sản.

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

b) Người phụ trách kỹ thuật phải có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành chăn nuôi, chăn nuôi - thú y, công nghệ sinh học (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi) hoặc chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, sinh học (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản).

Điều 11. Trình tự, thủ tục đăng ký khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới lập 01 bộ hồ sơ gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hồ sơ đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới gồm:

a) Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề cương khảo nghiệm;

c) Bản thuyết minh điều kiện của cơ sở thực hiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thành lập hội đồng hoặc tiến hành soát xét, phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm, kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm và ban hành quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không ban hành quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Sau khi kết thúc khảo nghiệm, tổ chức, cá nhân có thức ăn chăn nuôi, thủy sản khảo nghiệm báo cáo kết quả khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành để đánh giá kết quả khảo nghiệm và ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn

nuôi, thủy sản mới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Kiểm tra hoạt động khảo nghiệm

a) Hình thức và mức độ kiểm tra: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thành lập đoàn công tác gồm đại diện các cơ quan quản lý liên quan và các nhà khoa học tổ chức kiểm tra tại hiện trường ít nhất 01 lần trong quá trình khảo nghiệm đối với một loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới;

b) Nội dung kiểm tra: Điều kiện cơ sở khảo nghiệm; nội dung khảo nghiệm theo đề cương đã được phê duyệt.

Chương IV
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Điều 12. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

1.[15] Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam là thức ăn chăn nuôi, thủy sản có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có) và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

a) Đối với thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc sản xuất trong nước: Tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này (trừ đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam) và chịu trách nhiệm về hồ sơ công bố, chất lượng của sản phẩm;

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký theo quy định tại khoản 4 Điều này và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có). Thời gian lưu hành của sản phẩm tại Việt Nam là 05 năm kể từ ngày

---

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

được xác nhận. Trước khi hết thời gian lưu hành 06 tháng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đăng ký lại tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Phải công bố hợp quy theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có);

b) Mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có một tiêu chuẩn chất lượng được công bố chỉ được đặt 01 tên thương mại tương ứng;

c) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới: Sau khi có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nếu tổ chức, cá nhân có thức ăn chăn nuôi mới có nhu cầu lưu hành tại Việt Nam thì phải tiến hành thực hiện các quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và được phép sử dụng các kết quả thử nghiệm trong hồ sơ công nhận thức ăn chăn nuôi mới cho hoạt động công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố hợp quy.

3.[16] Thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất để tiêu thụ nội bộ hoặc theo tập quán và các nguyên liệu đơn không phải thực hiện đăng ký lưu hành tại Việt Nam, nhưng phải đáp ứng các quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán và các nguyên liệu đơn được phép lưu hành tại Việt Nam, trong đó có quy định về mức chất lượng tối thiểu và quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có) để áp dụng trong sản xuất.

4. Hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

a) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước

Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Bản sao thông báo tiếp nhận công bố hợp quy về điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

Bản chính hoặc bản sao chứng thực hợp đồng gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản gia công tại cơ sở đã công bố hợp quy về điều kiện sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản);

Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ sau: Tiêu chuẩn công bố áp dụng, bản thông báo tiếp nhận công bố hợp quy, quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới (nếu có);

Bản chính hoặc bản sao phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và an toàn của sản phẩm trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng được cấp bởi các phòng thử nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định hoặc thừa nhận. Trong trường hợp chỉ tiêu chất lượng, an toàn của sản phẩm chưa có phòng thử nghiệm được chỉ định, thừa nhận, thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định tạm thời đơn vị thực hiện thử nghiệm phù hợp;

Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất).

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu:

Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of free sale) hoặc văn bản có giá trị tương đương của thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp theo quy định;

Bản sao một trong các giấy chứng nhận ISO, GMP, HACCP hoặc tương đương của cơ sở sản xuất;

Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: Tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng;

Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam; nhãn phụ sản phẩm thể hiện bằng tiếng Việt theo quy định;

Phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và an toàn sản phẩm được cấp bởi phòng thử nghiệm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ chỉ định hoặc được công nhận bởi tổ chức công nhận quốc tế, tổ chức công nhận khu vực hoặc do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định, thừa nhận;

Mẫu nhãn của sản phẩm (có xác nhận của nhà cung cấp hoặc nhà nhập khẩu);

Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu. Nếu bản chính không phải là tiếng Anh thì bản dịch tiếng Việt phải có dịch thuật và chứng thực.

Đối với các loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới phải khảo nghiệm được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

5. Hồ sơ đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

a) Đơn đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng và bản thông báo tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có) là bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của nhà sản xuất;

c) Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc nhà nhập khẩu).

5a.[17] Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ công bố sản phẩm theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được phép lưu hành sản phẩm.

Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trình tự giải quyết hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này

6. Trình tự giải quyết hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (bao gồm cả đăng ký lại):

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam lập 01 bộ hồ sơ gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện;

---

[17] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

c) Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc (đối với trường hợp đăng ký mới) hoặc không quá 10 ngày làm việc (đối với trường hợp đăng ký lại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành văn bản xác nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không ban hành văn bản xác nhận, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam:

Tổ chức, cá nhân chỉ được thay đổi các thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam nếu không làm thay đổi chất lượng của sản phẩm, bao gồm:

a) [18] Những thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam do tổ chức, cá nhân có sản phẩm được phép tự thay đổi, bao gồm:

Tên nhà sản xuất, địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ cơ sở sản xuất, số điện thoại số fax của tổ chức, cá nhân đăng ký; tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản; số tiêu chuẩn công bố áp dụng, ký hiệu (tên thương mại), màu sắc, kích cỡ, dạng, quy cách bao gói của sản phẩm đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân đăng ký; tên nhà nhập khẩu; màu sắc, kích cỡ, dạng của sản phẩm; quy cách bao gói đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Tổ chức, cá nhân khi thay đổi những thông tin nêu trên phải thông báo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đối với thức ăn thủy sản, trường hợp thay đổi hoặc bổ sung thông tin nhà nhập khẩu, trước khi nhập khẩu, tổ chức, cá nhân phải thông báo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn những thông tin thay đổi kèm theo hợp đồng mua bán hoặc tài liệu (của nhà sản xuất) chứng minh quyền phân phối sản phẩm tại Việt Nam.

---

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

b) Những thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép, bao gồm: Tên nhà sản xuất, địa chỉ cơ sở sản xuất; tên, số tiêu chuẩn công bố áp dụng, ký hiệu (tên thương mại) của sản phẩm đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. [19]

Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản lập 01 bộ hồ sơ gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Bản sao chụp tiêu chuẩn công bố áp dụng và bản tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có); mẫu nhãn sản phẩm có xác nhận của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu.

Bản chính hoặc bản sao chứng thực giấy xác nhận nội dung thay đổi của nhà sản xuất (đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu).

Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong trường hợp đổi tên cơ sở sản xuất, tên thương mại thức ăn chăn nuôi nhập khẩu).

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản xác nhận thay đổi

---

[19] Cụm từ "Những thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép, bao gồm: Tên nhà sản xuất, địa chỉ cơ sở sản xuất; tên, số tiêu chuẩn công bố áp dụng, ký hiệu (tên thương mại) của sản phẩm" được sửa đổi bởi cụm từ "Những thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép, bao gồm: Tên nhà sản xuất, địa chỉ cơ sở sản xuất; tên, số tiêu chuẩn công bố áp dụng, ký hiệu (tên thương mại) của sản phẩm đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này" theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không ban hành văn bản xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) [20] Những thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán và các nguyên liệu đơn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thay đổi căn cứ vào những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và yêu cầu của thị trường.

8. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản dùng chung cho nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc, gia cầm:

a) Tổ chức, cá nhân khi đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc thay đổi các thông tin có liên quan gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Trình tự thủ tục và nội dung đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản dùng chung trong nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam áp dụng tương tự như quy định đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản khác trong Nghị định này.

9. Ngừng lưu hành sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại trong các trường hợp sau:

a) Sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thủy sản;

b) Sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị phát hiện vi phạm liên tục sau 03 lần kiểm tra về một chỉ tiêu chất lượng hoặc sau 02 lần kiểm tra về một chỉ tiêu an toàn;

c) Khi có thông báo ngừng lưu hành sản phẩm của cơ sở đăng ký lưu hành.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra thông báo bằng văn bản và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản ngừng lưu hành.

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị ngừng lưu hành tại điểm a, điểm b khoản 9 Điều này. Nếu cơ sở đăng ký có nhu cầu lưu hành trở lại, thì phải làm các thủ tục như đăng ký lần đầu.

Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản ngừng lưu hành tại điểm c khoản 9 Điều này đang trong thời gian còn hạn lưu hành. Nếu cơ sở đăng ký có nhu cầu lưu hành trở lại, thì chỉ cần có văn bản thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để ra thông báo và đăng tải trở lại.

Điều 13. Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam

1. Để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam.

c) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Văn bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ phân tích giữa một bên là phòng thử nghiệm hoặc doanh nghiệp trong nước với một bên là phòng thử nghiệm hoặc doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý về thức ăn chăn nuôi, thủy sản của nước xuất xứ, trong đó có cam kết sản phẩm nhập khẩu là phi thương mại.

d) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để nghiên cứu:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để nghiên cứu (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Đề cương nghiên cứu kèm theo.

đ) Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời về việc chấp

thuận cho nhập khẩu (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không chấp thuận cho nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài phải nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Hợp đồng sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhằm mục đích xuất khẩu phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về việc nhập hàng hóa để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho phép nhập khẩu. Trong trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

Điều 14. Xuất khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản vừa nhằm mục đích xuất khẩu và sử dụng trong nước: Đáp ứng các yêu cầu về chất lượng như các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc của nhà nhập khẩu.

2. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất chỉ nhằm mục đích xuất khẩu: Đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, trừ các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại Việt Nam.

Chương V
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Điều 15. Kiểm tra thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong nước

1. Đối tượng và nội dung kiểm tra

a) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại:

Việc thực hiện các quy định về điều kiện đối với cơ sở sản xuất, gia công, mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy (nếu có);

Việc thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Việc thực hiện các quy định về ghi nhãn sản phẩm hàng hóa;

Lấy mẫu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Trong đó tập trung đánh giá các chỉ tiêu an toàn và những chỉ tiêu chất lượng chính của sản phẩm.

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản tự phối trộn và thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán:

Kiểm tra các chỉ tiêu an toàn về thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định hiện hành về an toàn thực phẩm.

2. Cơ quan kiểm tra: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Chế độ kiểm tra: Việc kiểm tra thường xuyên của các cơ quan nhà nước phải được thông báo trước bằng văn bản, mỗi năm chỉ được tiến hành kiểm tra chất lượng không quá 01 lần, trừ việc kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm. Việc kiểm tra đột xuất chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại cơ sở sản xuất, gia công, cơ sở mua bán, cơ sở sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản chỉ được tiến hành khi có quyết định của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền, không cần thông báo trước.

Điều 16. Kiểm tra thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

Việc đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu, bị triệu hồi hoặc trả về là yêu cầu bắt buộc. Riêng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

1. Đối tượng và nội dung kiểm tra

a) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

Kiểm tra hồ sơ nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này;

Kiểm tra thực tế số lượng, khối lượng, quy cách bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, xuất xứ và các chỉ tiêu ngoại quan khác của sản phẩm;

Lấy mẫu thử nghiệm đánh giá sự phù hợp về chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm.

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị triệu hồi hoặc trả về

Kiểm tra về nguyên nhân thức ăn chăn nuôi, thủy sản triệu hồi hoặc bị trả về;

Kiểm tra quy cách bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, ngoại quan về sản phẩm;

Lấy mẫu để kiểm tra chất lượng sản phẩm.

c) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu

Kiểm tra hồ sơ công bố chất lượng, công bố hợp quy (nếu có);

Kiểm tra quy cách bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, ngoại quan về sản phẩm;

Phân tích chất lượng theo yêu cầu của doanh nghiệp hoặc nước nhập khẩu và yêu cầu khác (nếu có).

2. Cơ quan kiểm tra

Là cơ quan chức năng nhà nước và tổ chức được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định là tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây viết tắt là tổ chức được chỉ định) thực hiện một số công đoạn trong hoạt động kiểm tra theo phạm vi quy định tại quyết định chỉ định. Yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Căn cứ thẩm định năng lực của tổ chức được chỉ định dựa theo các quy định đối với các tổ chức chứng nhận sự phù hợp sản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận áp dụng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thẩm định và hướng dẫn công khai bằng văn bản và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chế độ kiểm tra: Theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Điều 17. Yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định

1. Tổ chức được chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

b) Có quy trình kiểm tra, xác nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản tương ứng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định.

2. Trình tự và thủ tục chỉ định

Tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nhu cầu tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao chứng thực quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

c) Quy trình kiểm tra, xác nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản tương ứng do tổ chức đăng ký tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu ban hành.

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở (nếu cần) và ban hành quyết định chỉ định (theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hiệu lực của quyết định chỉ định

a) Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu là 03 năm;

b) Trong vòng 03 tháng trước khi quyết định chỉ định hết hiệu lực, nếu có nhu cầu, tổ chức được chỉ định gửi hồ sơ đăng ký về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được chỉ định lại, hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức được chỉ định trong thời gian trước đó (theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ, thực hiện đánh giá lại năng lực thực tế tại cơ sở (nếu cần) và ban hành quyết định chỉ định lại (theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp từ chối chỉ định lại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 18. Lấy mẫu và thử nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Việc lấy mẫu kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản được thực hiện theo quy định tại các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hoặc các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Người lấy mẫu thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đào tạo và cấp chứng chỉ lấy mẫu thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Việc thử nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản phục vụ công tác quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản chỉ được thừa nhận theo các phương pháp thử tại các phòng thử nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định. Trường hợp các phương pháp thử chưa được chỉ định hoặc chưa được thống nhất, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phương pháp thử được áp dụng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình chỉ định phòng thử nghiệm lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản; hướng dẫn công khai bằng văn bản và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Căn cứ thử nghiệm là các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn thức ăn chăn nuôi, thủy sản được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do nhà nước ban hành và trong tiêu chuẩn công bố áp dụng của sản phẩm do nhà sản xuất, cung cấp công bố hoặc những yêu cầu cụ thể bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 19. Trình tự, thủ tục kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu:

a) Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chụp có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, phiếu đóng gói (Packing list), hóa đơn mua bán (Invoice), phiếu kết quả phân tích chất lượng của nước xuất xứ cấp cho lô hàng (Certificate of Analysis), nhãn sản phẩm của nhà sản xuất; bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của đơn vị nhập khẩu;

c) Báo cáo tình hình nhập khẩu và tiêu thụ lô hàng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhập khẩu trước đó và kế hoạch tiêu thụ số lượng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu:

a) Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; bản yêu cầu các chỉ tiêu cần kiểm tra, xác nhận chất lượng;

b) Bản sao chứng thực các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, hồ sơ công bố chất lượng.

3. Hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị triệu hồi, trả về:

a) Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chứng thực các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, giấy xác nhận chất lượng của lô hàng trước khi xuất khẩu (nếu có), văn bản triệu hồi hoặc thông báo trả về trong đó nêu rõ nguyên nhân triệu hồi hoặc trả về.

4. Trình tự xử lý hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

a) Doanh nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra gửi về cơ quan kiểm tra;

b) Khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xem xét và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định;

Trường hợp đầy đủ hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận vào giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng, trong đó có thông báo

cho doanh nghiệp về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm sẽ thực hiện kiểm tra.

Điều 20. Chế độ kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

1. Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu trong các trường hợp sau:

a) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản tạm nhập tái xuất;

b) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản quá cảnh, chuyển khẩu;

c) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản gửi kho ngoại quan;

d) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản là hàng mẫu tham gia các hội chợ, triển lãm;

đ) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản là mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm;

e) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản là mẫu để thử nghiệm, kiểm nghiệm, khảo nghiệm.

2. Miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn (không áp dụng chế độ này với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh)

a) Thực hiện kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra cảm quan và không lấy mẫu để đánh giá sự phù hợp trong thời hạn 06 tháng.

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với lô hàng nhập khẩu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Là thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu cùng loại do cùng cơ sở sản xuất, của cùng đơn vị nhập khẩu đã có giấy xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) của 05 lô hàng nhập khẩu liên tiếp theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc 03 lô hàng nhập khẩu liên tiếp theo chế độ kiểm tra giảm có thời hạn trong thời gian không quá 12 tháng trước đó;

c) Trong thời hạn được miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn, cơ quan kiểm tra nhà nước hoặc tổ chức chỉ định được giao nhiệm vụ giám sát hàng hóa theo chế độ miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn có thể tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên hàng hóa nhập khẩu theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc kiểm tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm về chất lượng sản phẩm. Nếu phát hiện sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì tiến hành các biện pháp xử lý như đối với những lô hàng vi phạm chất lượng và kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt ngay việc miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn tại thời điểm đó và chuyển sang chế độ kiểm tra chặt;

d) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thức ăn chăn nuôi, thủy sản đáp ứng các yêu cầu trên gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có thời hạn (theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy xác nhận chất lượng của 05 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc giấy xác nhận chất lượng của 03 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu theo chế độ kiểm tra giảm có thời hạn (bản sao chụp có xác nhận của đơn vị nhập khẩu).

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân nhập khẩu về việc được miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn (theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong trường hợp không được áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm gửi bản sao chứng thực văn bản áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn đến tổ chức được chỉ định để xác nhận việc miễn kiểm tra vào giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng cho từng lô hàng nhập khẩu (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) làm điều kiện để thông quan hàng hóa.

3. Kiểm tra giảm có thời hạn (không áp dụng chế độ này với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh)

a) Hình thức kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ và kiểm tra cảm quan để đánh giá sự phù hợp của hàng hóa về các thông tin trong hồ sơ so với ghi trên nhãn hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo; độ nguyên vẹn, dạng, màu sắc của hàng hóa. Thời hạn áp dụng kiểm tra giảm là 12 tháng. Chỉ lấy mẫu kiểm tra chất lượng hàng hóa đối với chế độ kiểm tra này trong trường hợp phát hiện thấy hàng hóa không phù hợp với hồ sơ, có dấu hiệu mất an toàn và không đảm bảo chất lượng như mốc ẩm ướt, bao bì không còn nguyên vẹn, dạng, màu sắc khác với mô tả, có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng, an toàn của sản phẩm hoặc là lấy mẫu kiểm tra ngẫu nhiên theo yêu cầu của quy trình giám sát chất lượng hàng hóa. Nếu phát hiện sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì tiến hành các biện pháp xử lý như đối với những lô hàng vi phạm chất lượng và kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt ngay việc kiểm tra giảm có thời hạn tại thời điểm đó và chuyển sang chế độ kiểm tra chặt.

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với lô hàng nhập khẩu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

Là thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu cùng loại do cùng cơ sở sản xuất, của cùng đơn vị nhập khẩu đã có giấy xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) của 03 lô hàng nhập khẩu liên tiếp theo chế độ kiểm tra thông thường trong thời gian không quá 12 tháng trước đó;

Đã được xác nhận đạt yêu cầu chất lượng và an toàn của tổ chức có thẩm quyền của nước đã thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản; hoặc của phòng thử nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá và thừa nhận.

c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thức ăn chăn nuôi, thủy sản đáp ứng các yêu cầu kiểm tra giảm có thời hạn lập 01 bộ hồ sơ gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị được áp dụng chế độ kiểm tra giảm có thời hạn (theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy xác nhận chất lượng của 03 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu theo chế độ kiểm tra thông thường (bản sao chụp có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu) hoặc giấy xác nhận đạt yêu cầu chất lượng và an toàn của tổ chức có thẩm quyền của nước đã thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản hoặc của phòng thử nghiệm nước ngoài được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thừa nhận (bản chính hoặc bản sao chứng thực);

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân nhập khẩu về việc được áp dụng chế độ kiểm tra giảm có thời hạn (theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong trường hợp không được áp dụng chế độ kiểm tra giảm có thời hạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm gửi bản sao chứng thực văn bản áp dụng chế độ kiểm tra giảm có thời hạn đến tổ chức được chỉ định để tiến hành kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

4. Kiểm tra thông thường

a) Hình thức kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra cảm quan và lấy mẫu đại diện để phân tích tối thiểu 01 chỉ tiêu an toàn và 01 chỉ tiêu chất lượng trong tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đảm bảo cho việc đánh giá được độ an toàn và chất lượng của sản phẩm kiểm tra. Riêng đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh bắt buộc phải kiểm tra tất cả các loại kháng sinh có trong sản phẩm.

Cơ quan kiểm tra, tổ chức được chỉ định xác định chỉ tiêu cụ thể và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng, an toàn của thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với các lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 Điều này.

5. Kiểm tra chặt

a) Hình thức kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra cảm quan và lấy mẫu tất cả các lô sản xuất để phân tích tối thiểu 50% các chỉ tiêu an toàn được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và tối thiểu 50% các chỉ tiêu chất lượng trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và các chỉ tiêu khác (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chế độ kiểm tra chặt được áp dụng liên tục trong 03 lần nhập khẩu;

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với các lô hàng nhập khẩu thuộc các trường hợp sau:

Lần nhập khẩu trước đó không đạt yêu cầu về chất lượng và an toàn theo quy định;

Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguy cơ cao về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc có xuất xứ từ những nơi đang có những nguy cơ cao gây mất an toàn đối với con người, vật nuôi và môi trường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cảnh báo;

Có văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu kiểm tra chặt khi phát hiện sản phẩm lưu thông trên thị trường có kết quả kiểm tra không đạt chất lượng theo yêu cầu hoặc có văn bản cảnh báo về các yếu tố không an toàn đối với con người, vật nuôi, môi trường của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan.

Điều 21. Thu hồi và xử lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản vi phạm chất lượng

1. Khi có quyết định của cơ quan thẩm quyền về việc buộc thu hồi sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thì người kinh doanh sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị buộc thu hồi phải tiến hành thông báo ngay cho các đối tượng khách hàng dừng việc kinh doanh, sử dụng sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản buộc thu hồi và tiến hành thu hồi toàn bộ về nơi xử lý theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Số lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản không thể thu hồi được phải có lí do, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đồng ý và người kinh doanh phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải thành lập Hội đồng giám sát quá trình thu hồi và xử lý sản phẩm thức ăn chăn nuôi thủy sản vi phạm chất lượng bị buộc thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và môi trường; phải gửi đăng tải ngay trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi xử lý vi phạm về sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản vi phạm bị buộc thu hồi.

Điều 22. Nguồn kinh phí cho hoạt động quản lý về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo và bố trí dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí huy động từ sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí thu hợp pháp khác.

Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Điều 23. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng chiến lược, định hướng, chính sách phát triển và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trên phạm vi cả nước;

b) Soạn thảo, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

c) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

d) Quy định số lượng tối thiểu các chỉ tiêu phải công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng;

đ) Quản lý công tác khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới;

e) Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

g) Ban hành danh mục các chất cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi, thủy sản và công bố các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam;

h) Ban hành danh mục kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích kích thích sinh trưởng cho gia súc, gia cầm. Hướng dẫn việc sản xuất và sử dụng thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh, trị bệnh cho gia súc, gia cầm;

i) Hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong việc sản xuất, kinh doanh và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

k) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

l) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

m) Quản lý về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định;

n) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

o) Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch phát triển và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại địa phương;

b) Chỉ đạo hướng dẫn sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường;

c) Ban hành các chính sách khuyến khích và chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

d) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn.

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Công bố hợp quy về điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản và lưu 01 bộ hồ sơ tại cơ sở.

2. Công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy (nếu có) đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định và lưu 01 bộ hồ sơ tại cơ sở.

3. Có quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm phù hợp. Ghi và lưu nhật ký quá trình sản xuất ít nhất là 02 năm sau khi sản phẩm hết hạn sử dụng.

4. Kiểm nghiệm, lưu kết quả kiểm nghiệm đối với nguyên liệu và thức ăn thành phẩm đáp ứng được yêu cầu kiểm soát chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và truy xuất xử lý các vi phạm sau này. Lưu kết quả kiểm nghiệm 02 năm và lưu, bảo quản mẫu thử nghiệm đến sau khi sản phẩm hết hạn sử dụng 30 ngày.

5. Thể hiện các thông tin về chất lượng trên nhãn hàng hóa, bao bì hoặc tài liệu kèm theo, trong đó phải ghi rõ các chất chính, kháng sinh (nếu có) theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về điều kiện sản xuất và chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật.

7. Chỉ được sản xuất sau khi đã công bố hợp quy về điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

8. Chỉ được sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản được lưu hành tại Việt Nam theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản do cơ sở sản xuất; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy hàng hóa thức ăn chăn nuôi, thủy sản không đảm bảo chất lượng, an toàn và đền bù thiệt hại gây ra cho người chăn nuôi.

10. Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng báo cáo tình hình sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về các hoạt động liên quan đến thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Chỉ được mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản được lưu hành tại Việt Nam theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

2. Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng, độ nguyên vẹn của hàng hóa thức ăn chăn nuôi, thủy sản; chú ý dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy (nếu có).

3. Áp dụng các biện pháp bảo quản chất lượng sản phẩm theo khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm duy trì chất lượng hàng hóa thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

4. Niêm yết giá và chấp hành sự kiểm tra về giá thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật.

5. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về điều kiện kinh doanh và chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật. Xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy thức ăn chăn nuôi, thủy sản vi phạm chất lượng, an toàn theo quy định của pháp luật và đền bù thiệt hại gây ra cho người chăn nuôi.

6. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm premix kháng sinh phải báo cáo tình hình nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm cho cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giám sát việc kinh doanh, sử dụng sản phẩm đúng mục đích và quy trình.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Tuân thủ các quy định của Nhà nước và hướng dẫn của nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi, thủy sản về việc vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Không sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi.

2. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản của các cơ quan quản lý.

3. Phối hợp xử lý tiêu hủy các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản và sản phẩm chăn nuôi vi phạm về chất lượng và an toàn theo quy định của pháp luật.

4. Ghi nhật ký sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh, trị bệnh theo quy định.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức chứng nhận sự phù hợp lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan chỉ định về kết quả chứng nhận sự phù hợp lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Báo cáo kết quả chứng nhận sự phù hợp lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản cho cơ quan chỉ định theo định kỳ hàng tháng hoặc khi có yêu cầu.

3. Lưu mẫu và bảo quản mẫu trong thời gian ít nhất 90 ngày kể từ ngày thông báo kết quả chứng nhận sự phù hợp lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản cho tổ chức, cá nhân.

4. Lưu hồ sơ chứng nhận sự phù hợp lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong thời gian ít nhất 05 năm.

5. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về hoạt động chứng nhận sự phù hợp lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản của các cơ quan quản lý.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Lưu hồ sơ khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong thời gian ít nhất 03 năm.

3. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về hoạt động khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản của các cơ quan quản lý.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[21]

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại có trách nhiệm thực hiện việc công bố hợp quy về điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của Nghị định này.

2. Thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích kích thích sinh trưởng cho gia súc, gia cầm được phép lưu hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017.

---

[21] Điều 2, 3 của Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

Điều 7, 8, 9 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật được xây dựng ngoài khu công nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì vẫn được duy trì hoạt động nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về môi trường.

2. Các sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc sản xuất trong nước đã được phép lưu hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được phép lưu hành. Tổ chức, cá nhân phải tự cập nhật bản công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định đối với sản phẩm này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./."

Thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh cho gia súc, gia cầm non được phép lưu hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký lại và hồ sơ đăng ký xác nhận thay đổi thông tin thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì giải quyết theo quy định tại Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 về quản lý thức ăn chăn nuôi. Trừ quy định về tên thương mại của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được áp dụng ngay cho tất cả các sản phẩm đăng ký mới và đăng ký lại kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại có trách nhiệm thực hiện việc công bố lại tên thương mại của các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản trái với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

5. Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận được phép lưu hành tại Việt Nam trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được phép lưu hành 05 năm kể từ ngày được công nhận.

5a.[22] Đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản hết hiệu lực lưu hành trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 11 năm 2016 đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2017 thì được tiếp tục lưu hành không quá 18 tháng".

6. Các tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được giữ nguyên giá trị hiệu lực ghi tại quyết định chỉ định.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2017.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

---

[22] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2017.

3. Bãi bỏ các Điều 12, 13, 14 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 14/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hà Công Tuấn

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới
Mẫu số 02	Quyết định về việc phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới
Mẫu số 03	Quyết định về việc công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới
Mẫu số 04	Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 05	Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 06	Đơn đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 07	Văn bản về việc xác nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 08	Đơn đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản
Mẫu số 09	Văn bản về việc xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản
Mẫu số 10	Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm
Mẫu số 11	Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm
Mẫu số 12	Văn bản về việc chứng nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản đủ điều kiện nhập khẩu làm mẫu giới thiệu tại hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm
Mẫu số 13	Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu
Mẫu số 14	Đơn đăng ký hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi thủy sản xuất, nhập khẩu
Mẫu số 15	Quyết định về việc chỉ định tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

Mẫu số 16	Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu
Mẫu số 17	Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng
Mẫu số 18	Báo cáo tình hình tiêu thụ lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu chứa kháng sinh
Mẫu số 19	Giấy xác nhận chất lượng
Mẫu số 20	Đơn đề nghị miễn/giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu có thời hạn
Mẫu số 21	Văn bản về việc áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng/kiểm tra giảm có thời hạn

Mẫu số 01

(Tên tổ chức, cá nhân)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN MỚI

Kính gửi:.....(1)

Tên đơn vị:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
Cơ sở thực hiện khảo nghiệm (tên cơ sở, địa chỉ):.....
Doanh nghiệp đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Thời gian khảo nghiệm	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Xuất xứ sản phẩm
1						
2						
3						
...						

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

Giám đốc
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 02

.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới

.....(2)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....(1);

Căn cứ Nghị định số..../2017/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (chi tiết tại danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng.....(1), (tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản) đơn vị thực hiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; -..... - Lưu: VT,.....	**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN** **CÓ THẨM QUYỀN**

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(2) Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 03

.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới

.....(2)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của..... (1);

Căn cứ Nghị định số..../2017/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có tên tại danh sách kèm theo là thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng..... (1), (tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản) và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; -..... - Lưu: VT,.....	**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN** **CÓ THẨM QUYỀN**

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(2) Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 04

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi:.....(1)

Tên tổ chức, cá nhân:.....
Địa chỉ:.....
Mã số doanh nghiệp:.....
Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
Đề nghị đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy
1						
2						
3						
...						

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 05

(Tên đơn vị):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi:.....(1)

Tên đơn vị nhập khẩu:.....
Địa chỉ:.....
Mã số doanh nghiệp:.....
Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
Đề nghị đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1				
2				
3				
...				

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 06

(Tên tổ chức, cá nhân):..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi:..... (1)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Đề nghị đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

1. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy	Mã số sản phẩm
1							
2							
3							

2. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	Mã số sản phẩm
1					
2					
3					

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 07

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
V/v xác nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

Kính gửi:..... (2)

Căn cứ Nghị định số..../2017/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản và hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam của..... (2),

..... (1) có ý kiến như sau:

1. Xác nhận (ghi cụ thể số lượng) sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có tên dưới đây được phép lưu hành tại Việt Nam:

a) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước:

Tên nhà sản xuất:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ sản xuất:.....

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Tên thương mại	Chất lượng sản phẩm*	Công dụng	Dạng, màu	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Mã số sản phẩm
1								
2								
3								

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chất lượng sản phẩm *	Công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	Mã số sản phẩm
1						
2						
3						

2. Thời hạn lưu hành của sản phẩm là 05 năm, kể từ ngày ký.

3. Yêu cầu..... (2) thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN

---

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(2) Tên tổ chức, cá nhân.

(*) Các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn của sản phẩm.

Mẫu số 08

(Tên tổ chức, cá nhân): **.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Kính gửi:..... (1)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Đề nghị được xác nhận thay đổi thông tin đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam sau đây:

1. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước

TT	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Mã số sản phẩm	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

2. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Hãng, nước sản xuất	Mã số sản phẩm	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(*) Số đăng ký nhập khẩu.

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 09

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
V/v xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

Kính gửi:.....(2)

Căn cứ Nghị định số..../2017/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản và hồ sơ đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam của.....(2), ... (1) có ý kiến như sau:

1. Xác nhận việc thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam tại Văn bản số..... ngày.... tháng.... năm..... của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	**Số tiêu chuẩn công bố áp dụng**	**Mã số sản phẩm**	**Thông tin thay đổi**	
			Đã được công nhận	**Được điều chỉnh**

2. Yêu cầu..... (2) thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN

(1): Tên cơ quan có thẩm quyền
(2): Tên tổ chức, cá nhân

Mẫu số 10

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

Kính gửi:..... (1)

Tên đơn vị:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để giới thiệu tại các hội chợ triển lãm:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

2. Thời gian nhập:.....
3. Cửa khẩu nhập:.....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm:
5. Phương án xử lý mẫu sau hội chợ triển lãm:
Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 11

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ NGHIÊN CỨU/LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

Kính gửi:..... (1)

Tên đơn vị:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm:

TT	Tên mẫu thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng*	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

(*) Không quá 2,0 kg đối với mỗi sản phẩm để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm. Riêng nhập khẩu về với mục đích nghiên cứu thì khối lượng phải phù hợp với nội dung nghiên cứu.
2. Thời gian nhập:.....
3. Cửa khẩu nhập:.....
4. Ghi rõ mục đích nghiên cứu/phân tích:.....
Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

---

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 12

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
V/v chứng nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản đủ điều kiện nhập khẩu làm mẫu giới thiệu tại hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

Kính gửi:.....(2)

..... (1) đã nhận được Văn bản số..... ngày.... tháng... năm..... của tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản đủ điều kiện nhập khẩu làm mẫu giới thiệu hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm. Sau khi thẩm định hồ sơ,.....(1) có ý kiến như sau:

1. Đồng ý để tổ chức, cá nhân nhập khẩu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có tên dưới đây phục vụ trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm trong thời gian.....:

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Số lượng	Bản chất, công dụng	Hãng, nước sản xuất
1				
2				
3				

2. Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nêu trên chỉ được dùng trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm, không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác.

3. Mẫu sản phẩm sau khi trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm phải được xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan Hải quan;
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu.

Mẫu số 13

(Tên tổ chức, cá nhân).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHẰM MỤC ĐÍCH XUẤT KHẨU

Kính gửi:.....(1)

Tên đơn vị:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1					
2					
3					
...					

2. Thời gian nhập:.....
3. Cửa khẩu nhập:.....
4. Thời gian xuất:.....
5. Cửa khẩu xuất:.....
6. Nước nhập khẩu:.....
Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản./.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 14

(Tên tổ chức):.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Kính gửi:.....(1)

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

3. Quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản số..... ngày... tháng... năm..... do..... (tên cơ quan có thẩm quyền) cấp.

4. Hình thức đề nghị chỉ định:

Chỉ định lần đầu □ Chỉ định lại □

5. Hồ sơ kèm theo gồm:

-.....

-.....

6. Sau khi nghiên cứu các quy định tại Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đề nghị Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi xem xét để chỉ định *(tên tổ chức)* được tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu, nhập khẩu.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Đại diện tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 15

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu
..... (2)

Căn cứ..... (3);
Căn cứ Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;
Căn cứ nhu cầu và năng lực của..... (tên tổ chức được chỉ định) về lĩnh vực kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu;
Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định..... (tên và địa chỉ của tổ chức được chỉ định) là tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.
Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 năm, kể từ ngày ký.
Điều 3...... (tên tổ chức được chỉ định) có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định hiện hành.
Điều 4. Chánh Văn phòng.....(1)....., (tên cơ sở đăng ký), thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
-.....
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.
(2) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền.
(3) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 16

(Tên tổ chức):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Kính gửi:.....(1)

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ liên lạc:.....
Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....
Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong giai đoạn từ..... đến..... như sau:
- Số lượng đơn vị đã kiểm tra:.....
- Số lô hàng, khối lượng hàng hóa đã kiểm tra:.....
- Danh sách các lô hàng vi phạm nếu có (Tên, khối lượng, giá trị, nguồn gốc xuất xứ, đơn vị nhập khẩu, lỗi vi phạm).
- Các lỗi vi phạm trong hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức được chỉ định do các đoàn kiểm tra phát hiện.
- Những kiến nghị của tổ chức về hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.

Đại diện tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
The Socialist Republic of Vietnam
Independent - Freedom - Happiness

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
Registration for Quality Inspection of Feeds

Số/No:..... *(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)*	Số/No:..... *(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)*

Kính gửi/*To*:.....

1. Bên bán hàng/*Seller: (hãng, nước)*
2. Địa chỉ, Điện thoại, Fax/*Address, Phone, Fax:*
3. Nơi xuất hàng/*Port of departure:*
4. Bên mua hàng/*Buyer:*
5. Địa chỉ, Điện thoại, *Fax/Address, Phone, Fax:*
6. Nơi nhận hàng/*Port of Destination:*
7. Thời gian nhập khẩu dự kiến/*importing date:*
MÔ TẢ HÀNG HÓA/*DESCRIPTION OF GOODS*
8. Tên hàng hóa/*Name of goods:*
9. Số lượng, khối lượng *Quantity, Volume*
10. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được cấp phép lưu hành tại Việt Nam/Registration number:
11. Cơ sở sản xuất/*Manufacturer (hãng, nước sản xuất):*
12. Địa điểm tập kết hàng/*Location of storage:*
13. Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra/*Date for sampling:*
14. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra/*Location for sampling:*
15. Thông tin người liên hệ/*Contact person*
16. Hợp đồng mua bán/*Contact:* Số.....ngày.....
17. Hóa đơn mua bán/*Invoice*: Số.....ngày.....
18. Phiếu đóng gói/*Packinglist;* Số.....ngày.....
DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA
19. Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu/*Analytical parameters required:*
20. Thời gian kiểm tra/*Date of testing:*
21. Đơn vị thực hiện kiểm tra:
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/*This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inpection body, afterward, all related document of the imported goods*

..... *ngày/date*:	....., *ngày/date*:
Đại diện tổ chức, cá nhân	**Đại diện cơ quan kiểm tra**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 18

(Tên tổ chức, cá nhân)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THỤ LÔ HÀNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI NHẬP KHẨU CHỨA KHÁNG SINH

Kính gửi:.....(1)

Tên đơn vị:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....
Công ty chúng tôi xin báo cáo tình hình nhập khẩu và tiêu thụ lô hàng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh như sau:
- Tên thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh:.....
- Tên, hàm lượng kháng sinh trong sản phẩm:.....
- Mã số công nhận (số đăng ký nhập khẩu):.....
- Hãng, nước xuất xứ:.....
- Khối lượng lô hàng (kg):.....
- Mã số hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng:.....
- Giấy xác nhận chất lượng số:..... ngày..... do..... (2) cấp.

1. Tình hình tiêu thụ lô hàng:

TT	Sử dụng nội bộ		Bán ra ngoài		Số lượng tồn kho (kg) (tính đến ngày báo cáo)
	Để sản xuất TĂCN (kg)	Sử dụng tại trại chăn nuôi của đơn vị (kg)	Tên, địa chỉ của khách hàng	Số lượng (kg)	
1					
2					
3					

2. Kế hoạch sử dụng hoặc phân phối đối với lượng tồn kho nêu trên và lô hàng nhập khẩu mới.

....., ngày... tháng... năm...
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.
(2) Tên tổ chức cấp giấy xác nhận chất lượng.

Mẫu số 19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
The Socialist Republic of Vietnam
Independent - Freedom - Happiness

Cơ quan cấp xác nhận chất lượng/Department issues the quality certificate
Địa chỉ/Address:.....
Điện thoại/Tel:..... Fax:.....

GIẤY XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
QUALITY CERTIFICATE

Số/No:

Bên bán hàng/Seller: Địa chỉ, Điện thoại, Fax./*Address, Phone, Fax:*		**Nơi xuất hàng**/Port of departure:
Bên mua hàng/Buyer: Địa chỉ/*Address:* Điện thoại, Fax/*Phone, Fax:*		**Nơi nhận hàng**/*Port of Destination:*
Tên hàng hóa/*Name of goods*	**Khối lượng** *Quantity, Volume:*	**Mô tả hàng hóa**/Description of goods:
Căn cứ vào kết quả kiểm tra số...., Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng số..... và kết quả phân tích chất lượng..... **(Cơ quan cấp xác nhận chất lượng)** **Xác nhận lô hàng đạt yêu cầu chất lượng**/Hereby certificates the goods meet the quality requirements		

....., ngày/date:
Đại diện cơ quan kiểm tra
Representative of Inspection body
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 20

(Tên tổ chức, cá nhân): **.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN/GIẢM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NHẬP KHẨU CÓ THỜI HẠN

Kính gửi:.....(1)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....; Email:.....

Đề nghị miễn/giảm kiểm tra có thời hạn chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Mã số công nhận TĂCN được phép lưu hành tại Việt Nam *	Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng số	Hãng, nước sản xuất	Thời gian nhập khẩu (ngày, tháng, năm)	Giấy xác nhận chất lượng số
I	A					
	Lần 1					
	Lần 2					
	Lần 3					
	Lần 4					
	Lần 5					
II	B					
	...					

** Số đăng ký nhập khẩu*

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 21

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
V/v áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng/kiểm tra giảm có thời hạn

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

Kính gửi:.....(2)

.....(1) đã nhận được Văn bản số..... ngày... tháng... năm..... của tổ chức, cá nhân đề nghị áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng/kiểm tra giảm có thời hạn đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu. Sau khi thẩm định hồ sơ,.....(1) có ý kiến như sau:

1. Sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam có tên dưới đây:

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Mã số công nhận TĂCN được phép lưu hành tại Việt Nam	Hãng, nước sản xuất	Tên đơn vị nhập khẩu

Được áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng/kiểm tra giảm có thời hạn theo quy định tại Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm.... của Chính phủ kể từ ngày..... đến hết ngày.....

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổ chức được chỉ định;
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn/áp dụng chế độ kiểm tra.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng